

CÔNG TY CỔ PHẦN VIDANCO HOLDINGS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIDANCO HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIDANCO HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIDANCO HOLDINGS SC ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108390718

3. Ngày thành lập: 08/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
7.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
8.	Quảng cáo	7310
9.	Sao chép bản ghi các loại	1820
10.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753(Chính)
11.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4773
12.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn giàn phơi; Phụ kiện đồ nội thất; Bán buôn các loại lưới	4669
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất	7410

17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
19.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.; Tư vấn quản lý dự án; Thi công xây dựng công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu	7110
23.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4690
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
28.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
29.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
30.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
31.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
34.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
35.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác ; Bán buôn dụng cụ y tế ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự ; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm ; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

38.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
39.	In ấn	1811
40.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
43.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
47.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ	7210
48.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NAM	Xóm 5, thôn Nam Hiệp Trung, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.364.000	13.640.000.000	62,000	034086001933	
			Tổng số	1.364.000	13.640.000.000	62,000		
2	NGUYỄN PHẠM TUÂN	Xóm 5, thôn Nam Hiệp Trung, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	418.000	4.180.000.000	19,000	151659131	
			Tổng số	418.000	4.180.000.000	19,000		
3	TẠ DUY ĐỨC	Số 274 khu 8, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	418.000	4.180.000.000	19,000	151770956	
			Tổng số	418.000	4.180.000.000	19,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 05/04/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034086001933

Ngày cấp: 09/07/2015

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 5, thôn Nam Hiệp Trung, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội